

**Bảng 3**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 94 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG (TLKC)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>	<b>15</b>		
<b>1.1</b>	<b>Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính</b>	<b>1,5</b>		
1.1.1	Việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm	0,5	- Kế hoạch cải cách hành chính năm	
	<i>Ban hành kịp thời (trong tháng 01 của năm đánh giá): 0,5</i>			
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>			
1.1.2	Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm	1	- Phụ lục thống kê sản phẩm thực hiện của các nhiệm vụ đề ra tại Phụ lục Kế hoạch cải cách hành chính năm.	
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa, Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ b/a &lt; 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>			
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính</b>	<b>1,5</b>		
1.2.1	Báo cáo định kỳ, đột xuất công tác cải cách hành chính	1	- Báo cáo cải cách hành chính quý I, 6 tháng, quý III và báo cáo năm. - Báo cáo đột xuất	
	<i>Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo quy định: 1</i> <i>Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>			
1.2.2	Báo cáo TỰ ĐÁNH GIÁ, chấm điểm cải cách hành chính	0,5	- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm cải cách hành chính năm - Phụ lục bảng điểm tự đánh giá	
	<i>Đáp ứng đầy đủ về nội dung, thời gian theo quy định: 0,5</i> <i>Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>			
<b>1.3</b>	<b>Công tác kiểm tra cải cách hành chính</b>	<b>2</b>		
	Xử lý các vấn đề phát hiện qua công tác kiểm tra cải cách hành chính của cấp huyện, cấp tỉnh		- Các thông báo kết luận kiểm tra. - Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. - TLKC cần thiết khác (nếu có).	
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số vấn đề phát hiện cần xử lý b là số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý Nếu tỷ lệ b/a &lt; 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>			

<b>1.4</b>	<b>Công tác tuyên truyền cải cách hành chính</b>	<b>1</b>		
1.4.1	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm	0,5		
	<i>Có xây dựng kế hoạch hoặc có lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch cải cách hành chính năm. Các nội dung tuyên truyền được xây dựng có xác định rõ thời gian thực hiện và có sản phẩm hoàn thành cụ thể: 0,5</i>		- Kế hoạch cải cách hành chính năm (có lồng ghép nội dung tuyên truyền cải cách hành chính) hoặc Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm.	
	<i>Có xây dựng kế hoạch tuyên truyền hoặc có lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch cải cách hành chính năm. Tuy nhiên nội dung chung chung không có hoạt động cụ thể: 0,25</i>			
	<i>Không xây dựng kế hoạch đồng thời không lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch cải cách hành chính năm: 0</i>			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền cải cách hành chính:	0,5	- Các văn bản thể thiện nội dung tuyên truyền mà đơn vị đã thực hiện. - Cung cấp đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về cải cách hành chính trên website; - TLKC khác (nếu có).	
	<i>Tham dự đầy đủ các hội nghị tập huấn công tác cải cách hành chính do tỉnh, huyện tổ chức: 0,25</i>			
	<i>Có chuyên mục cải cách hành chính và thường xuyên đăng tải thông tin về cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của đơn vị (tối thiểu 01 tin/bài/tháng): 0,25</i>			
<b>1.5</b>	<b>Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính</b>	<b>2</b>	- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Báo cáo sáng kiến - Số liệu, tài liệu chứng minh hiệu quả áp dụng của sáng kiến, giải pháp qua thực tiễn.	
	<i>Có từ 1 sáng kiến/giải pháp mới trở lên: 2</i>			
	<i>Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0</i>			
<b>1.6</b>	<b>Việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao (Trường hợp cơ quan không được giao nhiệm vụ thì không đánh giá tiêu chí này)</b>	<b>5</b>		
1.6.1	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao (không tính các nhiệm vụ đã giao trong chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện)	3		

	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(b/a)*điểm tối đa + (c/a)/2*điểm tối đa]. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ; c là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ.</i>			
1.6.2	Thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện	2		
	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(b/a)*điểm tối đa + (c/a)/2*điểm tối đa]. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ; c là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ.</i>			
<b>1.7</b>	<b>Thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với Chỉ số cải cách hành chính hàng năm của huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố</b>	<b>2</b>		
	<i>Không có những tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số cải cách hành chính của huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá trong năm trước liền kề năm đánh giá: 2</i>			
	<i>Có tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả Chỉ số cải cách hành chính của huyện do tỉnh đánh giá trong năm trước liền kề: 0</i>			
<b>2</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>	<b>10</b>		
<b>2.1</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật</b>	<b>2</b>		
2.1.1	Ban hành kế hoạch theo dõi, thi hành pháp luật	1		
	<i>Có ban hành, đảm bảo thời hạn quy định: 1</i>		TCTP bổ sung thêm	
	<i>Không ban hành hoặc ko đảm bảo yêu cầu: 0</i>			
2.1.2	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1</i>		Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật được gửi Sở Tư pháp đúng thời hạn và nội dung theo yêu cầu	
	<i>Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>			

<b>2.2</b>	<b>Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)</b>	<b>4</b>	
2.2.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5	Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa VBQPPL
	<i>Có ban hành: 0.5</i>		
	<i>Không ban hành: 0</i>		
2.2.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1,5	Kế hoạch triển khai công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống VBQPPL; các Báo cáo (bao gồm cả số liệu kèm theo); các văn bản, tài liệu khác có liên quan
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ b/a &lt; 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>		
2.2.3	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế VBQPPL sau rà soát	1,5	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát văn bản; văn bản được kiểm tra, văn bản đã xử lý sau khi rà soát; Các văn bản, tài liệu khác có liên quan
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý b số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý Trường hợp a=0 thì đạt điểm tối đa</i>		
2.2.4	Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	0,5	Báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản; các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát ban hành; các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành, để xử lý các kiến nghị sau rà soát; Các tài liệu khác có liên quan
	<i>Báo cáo đúng hạn và đầy đủ, chính xác số liệu về số VBQPPL đã được rà soát, số văn bản quy phạm pháp luật đã kiến nghị xử lý, số đã kiến nghị và đã được xử lý: 0,5</i> <i>Báo cáo không đầy đủ nội dung, số liệu theo yêu cầu hoặc báo cáo trễ hạn: 0</i>		
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị</b>	<b>2</b>	
2.3.1	Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý VBQPPL	1	các báo cáo; văn bản, công văn chỉ đạo; các tài liệu khác có liên quan
	<i>Thực hiện tốt công tác phối hợp: 1</i>		
	<i>Chưa thực hiện tốt công tác phối hợp: 0</i>		
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1	

	<i>Tính điểm theo công thức: <math>(b/a) * \text{điểm tối đa}</math>. Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý b số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý Trường hợp <math>a=0</math> thì đạt điểm tối đa</i>		Báo cáo kết quả kiểm tra việc thực hiện VBQPPL của địa phương hoặc Báo cáo công tác tư pháp trong năm	
<b>2.4</b>	<b>Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý</b>	<b>2</b>		
	<i>Tính điểm theo công thức: <math>(b/a) * \text{điểm tối đa}</math>. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ <math>b/a &lt; 0,8</math> thì điểm đánh giá là 0</i>		Kế hoạch PBGDPL; Các Kế hoạch triển khai công tác PBGDPL cụ thể; Các báo cáo (bao gồm cả số liệu kèm theo); Các văn bản, tài liệu khác có liên quan	
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>16</b>		
<b>3.1</b>	<b>Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>2</b>		
3.1.1	Kế hoạch kiểm soát TTHC	0,5		
	<i>Ban hành đảm bảo về mặt nội dung, thời hạn theo quy định: 0,5 Chưa ban hành hoặc ban hành không đảm bảo nội dung, thời hạn theo quy định: 0</i>		Báo cáo của đơn vị	
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm soát TTHC	1		
	<i>Tính điểm theo công thức: <math>(b/a) * \text{điểm tối đa}</math>. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ Nếu tỷ lệ <math>b/a &lt; 0,8</math> thì điểm đánh giá là 0</i>		Báo cáo và Kế hoạch Kiểm soát TTHC của đơn vị	
3.1.3	Báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát TTHC (báo cáo quý I, báo cáo quý II, báo cáo quý III, báo cáo năm)	0,5		
	<i>Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1 Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>		Kiểm tra trên hệ thống hoặc Báo cáo của đơn vị	
<b>3.2</b>	<b>Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ</b>	<b>2</b>		
3.2.1	Công khai TTHC và các quy định có liên quan	1		
	<i>Công khai đầy đủ và đúng quy định tại bộ phận Một cửa cấp xã: 0,5 Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Website của cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: 0,5</i>		Không yêu cầu	

3.2.2	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	1		
	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được đồng bộ, công khai trên Cổng DVC quốc gia: 0.5</i> <i>Tính điểm theo công thức: a* điểm tối đa. Trong đó: a là tỷ lệ % hồ sơ đã đồng bộ, công khai.</i>			
	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: 0.5</i>			
<b>3.3</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>	<b>6</b>		
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa	0,5		
	<i>100% TTHC cấp xã được thực hiện theo quy định: 0,5</i>			
	<i>dưới 100% TTHC cấp xã được thực hiện theo quy định: 0</i>			
3.3.2	Tỷ lệ TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	0,5		
	<i>100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0,5</i>		Báo cáo của đơn vị	
	<i>Dưới 100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0</i>			
3.3.3	Tiếp nhận hồ sơ có sử dụng các biểu mẫu trong quy trình giải quyết TTHC theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP	1		
	<i>100% hồ sơ được thực hiện đầy đủ và đảm bảo theo quy định: 1</i>		Không yêu cầu	
	<i>Dưới 100% hồ sơ được thực hiện đầy đủ, đảm bảo theo quy định: 0</i>			
3.3.4	Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	2		
	<i>100 % hồ sơ TTHC được tiếp nhận thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh: 1 điểm (dưới 100%: 0).</i>		Không yêu cầu	
	<i>100% hồ sơ TTHC được cập nhật quá trình giải quyết hồ sơ lên phần mềm Một cửa điện tử đồng bộ với quá trình giải quyết hồ sơ thực tế: 1 điểm (dưới 100%:0)</i>			
3.3.5	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong năm	1		
	<i>Số hóa thành phần hồ sơ cấp xã (tính theo tỉ lệ %) đạt chỉ tiêu tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao: 1</i>		Số liệu được tính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đối với các Sở có sử dụng Hệ thống Bộ ngành, số liệu tính theo Bộ chỉ số trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	
	<i>Số hóa kết quả hồ sơ TTHC không đạt chỉ tiêu tại Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh giao: 0</i>			

3.3.6	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa:	1		
	<i>Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa cấp cấp xã (tính theo tỉ lệ %) đạt chỉ tiêu tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao: 1</i>			
	<i>Không đạt chỉ tiêu tại Quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh giao: 0</i>			
<b>3.4</b>	<b>Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC</b>	<b>4</b>		
3.4.1	Tỉ lệ hồ sơ TTHC của Ủy ban nhân dân các xã/phường/thị trấn trực thuộc giải quyết đúng hạn	2	số liệu tính trên HTTT giải quyết TTHC và kiểm tra thực tế (tính số liệu trung bình cộng của tất cả các xã trực thuộc)	
	<i>Từ 98% - 100%: 2</i>			
	<i>Từ 96% - dưới 98%: 1,5</i>			
	<i>Từ 95% - dưới 96%: 1</i>			
	<i>Dưới 95%: 0</i>			
3.4.2	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC ( <i>nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này</i> )	1	số liệu tính trên HTTT giải quyết TTHC và kiểm tra thực tế	
	<i>- Đã thực hiện xin lỗi đầy đủ theo quy định: 1</i>			
	<i>- Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
3.4.3	Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	1	số liệu tính trên HTTT giải quyết TTHC tỉnh và được đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia	
	<i>Ủy ban nhân dân cấp xã đạt điểm đánh giá từ loại Tốt trở lên theo bản đồ 766: 1</i>			
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>			
<b>3.5</b>	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị</b>	<b>2</b>		
3.5.1	Công khai nội dung hướng dẫn và đường link thực hiện PAKN của cá nhân, tổ chức	0,5	Không yêu cầu	
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0</i>			
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, TTHC	1		

	<i>Không phát sinh phản ánh kiến nghị trong năm đánh giá: 1</i>			
	<i>Có phát sinh phản ánh, kiến nghị tuy nhiên đã xử lý 100% số phản ánh kiến nghị theo quy định: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số phản ánh kiến nghị được xử lý theo quy định: 0</i>			
3.5.3	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0,5	Không yêu cầu	
	<i>100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0</i>			
<b>4</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>	<b>9</b>		
<b>4.1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị</b>	<b>4</b>		
4.1.1	Thực hiện rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ theo quy định	2		
	<i>Kịp thời, đúng quy định: 2</i>			
	<i>Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0</i>			
4.1.2	Thực hiện bố trí cán bộ, công chức đúng chức danh theo quy định	2	Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP hoặc Báo cáo khác có nội dung thống kê về số lượng lãnh đạo quản lý và số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo	
	<i>Thực hiện đúng quy định: 2</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>			
<b>4.2</b>	<b>Thực hiện các quy định về quản lý biên chế</b>	<b>2</b>		
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 2</i>			
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>			
<b>4.3</b>	<b>Thực hiện các quy định về phân cấp</b>	<b>3</b>		
4.3.1	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	1	các quyết định phân cấp theo ngành, lĩnh vực có trong nghị quyết của Chính phủ	
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện không đúng quy định: 0</i>			



4.3.2	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	2	Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị thanh tra	
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
<b>5</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>	<b>11</b>		
<b>5.1</b>	<b>Thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm</b>	<b>3</b>		
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.	1		
	<i>Đầy đủ, kịp thời: 1</i>			
	<i>Chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0</i>			
5.1.2	Công tác rà soát, sắp xếp lại biên chế, số lượng người làm việc và bố trí đội ngũ cán bộ công chức cấp xã theo vị trí việc làm và cơ cấu đã được phê duyệt	1		
	<i>Thực hiện đảm bảo theo quy định: 1</i>			
	<i>Thực hiện chưa đảm bảo: 0</i>			
5.1.3	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức</i>	1		
	<i>Đã xây dựng kế hoạch và lập danh sách các trường hợp chuyển đổi vị trí công tác và thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý: 1</i>			
	<i>Thực hiện chưa đảm bảo :0</i>			
<b>5.2</b>	<b>Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo quy định</b>	<b>1</b>		
	<i>Đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
<b>5.3</b>	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	<b>1</b>		
	<i>Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo do tỉnh, huyện tổ chức: 1</i>			
	<i>Không Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo do tỉnh, huyện tổ chức: 0</i>			

<b>5.4</b>	<b>Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>2</b>		
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1</i>			
	<i>Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ, công chức, viên chức (không giữ chức vụ) thuộc phạm vi quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1</i>			
<b>5.5</b>	<b>Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức</b>	<b>1</b>		
	<i>Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1</i>		- Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
	<i>Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>			
<b>5.6</b>	<b>Triển khai cập nhật thông tin cán bộ, công chức lên Hệ thống phần mềm Quản lý cán bộ, công chức của cửa tỉnh</b>	<b>1</b>		
	<i>Cập nhật bổ sung và làm sạch dữ liệu về cán bộ, công chức trên Hệ thống phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh để đồng bộ dữ liệu lên CSDLQG về CBCCVC theo quy định: 1</i>		- Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
	<i>Chưa đảm bảo theo quy định: 0</i>			
<b>5.7</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>2</b>		
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1		
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1		
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>14</b>		
<b>6.1</b>	<b>Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách</b>	<b>5</b>		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước hằng năm	2	Báo cáo của các huyện, thành phố về tình hình giải ngân vốn đầu tư ngân sách nhà nước	

	<i>Điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % giải ngân Kế hoạch đầu tư vốn NSNN * điểm tối đa /100%]</i>			
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước	1	Báo cáo thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; hoặc tài liệu kiểm chứng khác có liên quan.	
	<i>Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1</i> <i>Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</i>			
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2	Báo cáo của các huyện, thành phố về khắc phục thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước	
	<i>Đã thực hiện 100% các kiến nghị hoặc không có kiến nghị phải thực hiện: 2</i>			
	<i>Đã thực hiện từ 80 - dưới 100% kiến nghị: 1</i> <i>Đã thực hiện dưới 80% kiến nghị: 0</i>			
<b>6.2</b>	<b>Công tác quản lý, sử dụng tài sản công</b>	<b>4</b>		
6.2.1	Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1		
	<i>Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản theo quy định: 1</i>			
	<i>Ban hành chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0</i>			
6.2.2	Báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công hàng năm	1	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đảm bảo theo thời gian quy định tại khoản 2 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ	
	<i>Báo cáo đúng thời hạn: 1</i> <i>Báo cáo không đúng thời hạn: 0</i>			
6.2.3	Thực hiện công khai tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, và các đơn vị trực thuộc theo phân cấp quản lý	1	Báo cáo kết quả công khai tài sản công hàng năm theo quy định tại Điều 122, 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ (theo thời hạn báo cáo tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ)	
	<i>Có thực hiện công khai: 1</i> <i>Không thực hiện công khai: 0</i>			

6.2.4	Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1	Báo cáo kết quả công khai tài sản công hàng năm theo quy định tại Điều 122, 123 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ (theo thời hạn báo cáo tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 130 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ)
	<i>100% cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: 0,5</i>		
	<i>Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công: 0.5 điểm</i>		
<b>6.3</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hằng năm của xã theo kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện giao</b>	<b>2</b>	Báo cáo của huyện, thành phố; hoặc tài liệu kiểm chứng khác có liên quan
	<i>Đạt hoặc vượt dự toán thu được Ủy ban nhân dân huyện giao: 2</i>		
	<i>Không đạt dự toán thu được Ủy ban nhân dân huyện giao: 0</i>		
<b>6.4</b>	<b>Xây dựng dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách</b>	<b>3</b>	
6.4.1	Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm	1	
	<i>Thực hiện xây dựng đúng quy định và gửi đúng kỳ hạn: 1</i>		
	<i>Xây dựng dự toán không đúng quy định và gửi muộn so với quy định: 0</i>		
6.4.2	Báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	1	Báo cáo của huyện, thành phố; hoặc tài liệu kiểm chứng khác có liên quan
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 1</i>		
	<i>Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>		
6.4.3	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định.	1	Báo cáo của huyện, thành phố; hoặc tài liệu kiểm chứng khác có liên quan
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 1</i>		
	<i>Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>		
<b>7</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>	<b>15</b>	
<b>7.1</b>	<b>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước</b>	<b>7</b>	
7.1.1	Ban hành kế hoạch của cơ quan, đơn vị	1	Kế hoạch của đơn vị
	<i>Ban hành đầy đủ, đúng quy định: 1</i>		
	<i>Không ban hành hoặc ban hành nhưng không đảm bảo theo quy định: 0</i>		

7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật)	1		
	<i>100% văn bản thuộc Ủy ban nhân dân xã được ký số, ban hành trên môi trường mạng theo quy định: 1</i>		Số liệu thống kê từ hệ thống	
	<i>Tỉ lệ dưới 100%: 0</i>			
7.1.3	Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ trên môi trường mạng	2		
	<i>+ Đã ban hành Quyết định danh mục hồ sơ lưu trữ của cơ quan: +0,5</i>		Quyết định ban hành danh mục tài liệu lưu trữ cơ quan, ban hành trong tháng 01 hằng năm	
	<i>+ Đã tạo danh mục hồ sơ trên môi trường mạng theo Quyết định ban hành: +0,5</i>			
	<i>+ Tỷ lệ hồ sơ công việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã được lưu trữ trên môi trường mạng đạt 100% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước): +1</i>			
7.1.4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hành chính sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc	0,5		
	<i>100% cán bộ, công chức, viên chức : 0,5</i>		Báo cáo của đơn vị	
	<i>Từ 90 % - 100% cán bộ, công chức, viên chức: 0,25</i>			
	<i>Dưới 90% cán bộ, công chức, viên chức: 0</i>			
7.1.5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ hỗ trợ trao đổi công việc	0,5	số liệu tính trên hệ thống	
	Điểm đánh giá theo công thức: $a/b \cdot \text{Điểm tối đa}$ . Trong đó: <i>a là tổng số cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ</i> <i>b là Tổng số cán bộ công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị;</i>			
7.1.6	Nhân lực Công nghệ thông tin	1		
	<i>Có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin: 0,5</i>			
	<i>Tham gia đầy đủ lớp tập huấn về Chuyển đổi số, đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin: 0,5</i>			
7.1.7	Thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	1	số liệu tính trên hệ thống báo cáo của tỉnh	

	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các loại báo cáo theo quy định của tỉnh: 1</i>			
	<i>Thực hiện đầy đủ, tuy nhiên có báo cáo bị trễ hạn: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ theo quy định của tỉnh: 0</i>			
<b>7.2</b>	<b>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức</b>	<b>2</b>		
7.2.1	Công/trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	0,5		
	<i>Đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6: 0.5</i>			
	<i>Chưa chuyển đổi sang công nghệ IPv6: 0</i>			
7.2.2	Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử	1,5		
	<i>Có quy chế quản lý và hoạt động Trang Thông tin điện tử: 0.5</i>			
	<i>Cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử đảm bảo theo đúng quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022: 0,5</i>			
	<i>Thường xuyên cập nhật, đăng tải tin/bài trên trang thông tin điện tử: 0,5</i>			
<b>7.3</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>2</b>		
	<i>Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: 2</i> <i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến)</i> <i>b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy)</i>		số liệu tính trên HTTT giải quyết TTHC của tỉnh và được đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia	
<b>7.4</b>	<b>Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các TTHC đủ điều kiện</b>	<b>4</b>		
7.4.1	<i>Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>	2		
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó:</i> <i>a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến</i> <i>b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>		số liệu tính trên HTTT giải quyết TTHC của tỉnh và được đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia	

7.4.2	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	2	số liệu tính trên HTTT giải quyết TTHC của tỉnh và được đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia	
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến</i>			
<b>8</b>	<b>VIỆC THỰC HIỆN CÔNG VỤ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH VÀ QUY CHẾ VĂN HÓA CÔNG SỞ</b>	<b>6</b>		
<b>8.1</b>	<b>Thực hiện công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính</b>	<b>4</b>		
8.1.1	Báo cáo kỷ luật, kỷ cương hành chính	2		
	<i>Đầy đủ, kịp thời: 2</i>			
	<i>Không đầy đủ, kịp thời</i>			
8.1.2	Kết quả thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính	2	- Báo cáo kỳ hằng tháng về tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính. - Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg theo yêu cầu tại Công văn số 3764/UBND-HTKT ngày 20/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	
	<i>Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý vi phạm (có tính cả các trường hợp vi phạm Kết luận số 1883-KL-TU và vi phạm Chỉ thị số 35/CT-TTg): 2</i>			
	<i>Có trường hợp vi phạm: 0</i>			
<b>8.2</b>	<b>Thực hiện quy chế văn hóa công sở</b>	<b>2</b>		
	<i>Trong năm không có cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi quản lý vi phạm: 2</i>			
	<i>Có trường hợp vi phạm: 0</i>			
<b>9</b>	<b>TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</b>	<b>4</b>		
<b>9.1</b>	<b>Thực hiện thu ngân sách hàng năm của xã</b>	<b>2</b>		
	<i>Thực hiện thu NSNN đạt hoặc vượt chỉ tiêu giao: 2</i>			
	<i>Không hoàn thành chỉ tiêu giao: 0</i>			

<b>9.2</b>	<b>Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do Hội đồng nhân dân giao</b>	<b>2</b>		
	<i>Tính điểm theo công thức: <math>(b/a)*1.50 + (c/a)*1.00</math>. Trong đó: a là tổng số chỉ tiêu KT-XH được giao theo kế hoạch b là số chỉ tiêu KT-XH vượt so với kế hoạch c là số chỉ tiêu KT-XH đạt so với kế hoạch Nếu tỉ lệ <math>(b+c)/a &lt; 0.70</math> thì điểm đánh giá là 0</i>			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>		
	<b>Chỉ số cải cách hành chính</b>			

**Ghi chú:**

- Chỉ số cải cách hành chính được tính theo công thức:  $\text{Tổng điểm đạt được} / \text{Tổng điểm tối đa} \times 100\%$ . Trong đó:
  - + Tổng điểm tối đa là tổng điểm tối đa của các tiêu chí/tiêu chí thành phần được đánh giá (đối với một số đơn vị, tổng điểm tối đa có thể không đủ 100 điểm do không tính các tiêu chí/tiêu chí thành phần không được đánh giá).
  - + Tổng điểm đạt được là tổng điểm đạt được của từng tiêu chí/tiêu chí thành phần sau khi được Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính cấp huyện thẩm định hoặc kiểm tra thực tế.